

LÝ THƯỜNG KIỆT VÀ VIỆC PHÁT TRIỂN NGHỀ ĐỤC ĐÁ Ở THANH HÓA

*Phạm Hoàng Mạnh Hà**

Từ trước đến nay, các nguồn sử liệu viết về Lý Thường Kiệt đều có chung nhận định: Lý Thường Kiệt là vị quan đầu triều của nhà Lý, làm Tổng trấn - trấn trị vùng đất Cửu Chân - Ái Châu trong nhiều năm. Về thời gian Lý Thường Kiệt trấn trị ở Thanh Hóa, ngoại trừ tác giả *Lịch sử Thanh Hóa* (tập II) cho rằng: “Thái úy Lý Thường Kiệt ở Thanh Hóa từ năm 1081 đến năm 1101”, tức ở Thanh Hóa trong 20 năm thì phần lớn công trình nghiên cứu về Lý Thường Kiệt đều khẳng định Thái úy Lý Thường Kiệt trấn trị ở trấn Thanh Hóa trong 19 năm.

Trong gần hai thập kỷ “biệt phái” ở Thanh Hóa, cùng với việc mở mang, phát triển nông nghiệp, Tổng trấn Lý Thường Kiệt còn chú ý đến việc phát triển nghề thủ công. Ông đã cho người tìm kiếm những mỏ đá quý, tạo cơ sở cho việc hình thành nghề chế tác đồ đá phục vụ đời sống xã hội lúc bấy giờ.

Thanh Hóa thời Lý là một trong những địa phương có nghề thủ công khá phát triển. Các tài liệu, công trình nghiên cứu về nghề thủ công truyền thống ở xứ Thanh đều khẳng định: đây là vùng đất có nhiều nghề thủ công truyền thống và nhiều làng nghề thủ công. Trong số những nghề thủ công thịnh hành và phát triển ở Thanh Hóa, nổi trội hơn cả là các nghề: làm đồ gốm, đúc đồng, dệt và chế tác đồ đá.

Nghề đúc đồng ở Kê Chè, làng Trà Đông (Trà Đúc) thuộc giáp Bối Lý, nay thuộc xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa là một trong những nghề nổi tiếng có bề dày lịch sử do được “thừa kế” kỹ nghệ đúc đồng của người Đông Sơn xưa. Tương truyền rằng nghề đúc đồng ở Bối Lý - Kê Chè đã có từ thời Tiên Lê, được duy trì và phát triển rất mạnh dưới thời Lý. Nghề đúc đồng đã tạo cho Kê Chè một thị trường mua bán, trao đổi tấp nập:

Chợ Chè một tháng sáu phiên

Phường buôn, phường bán khắp miền về đây

Cảnh chợ buôn bán vui thay

Tiếng đồn Trà Đúc xưa nay vẫn truyền

* Phòng Nghiên cứu - Suu tầm, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia

Nghề làm đồ gốm có lịch sử rất lâu đời ở châu thổ sông Mã. Đến thời Lý, kỹ thuật làm đồ gốm sứ ở Thanh Hóa đã đạt đến đỉnh cao. Đồ gốm có niên đại thời Lý được phát hiện trong các làng cổ, nhất là ở trung tâm sở lý Duy Tinh và trưng bày tại Bảo tàng Thanh Hóa cho thấy đây là một trong những trung tâm sản xuất gốm của cả nước.

Đôi bờ sông Mã, sông Chu với các bãi bồi rộng lớn, phù sa màu mỡ rất thích hợp với cây bông, tạo điều kiện cho việc hình thành, phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm. Đây chính là những yếu tố quan trọng để nghề dệt vải trở thành một trong những nghề thủ công nổi tiếng ở đất Cửu Chân xưa. Trên đôi bờ sông Mã, đã hình thành những làng dệt nổi tiếng ở Hoàng Hóa, Thiệu Hóa, Thọ Xuân... sản phẩm được dệt từ sợi bông, tơ tằm rất được thị trường ưa chuộng.

Riêng với nghề chế tác đồ đá ở Thanh Hóa, Thái úy Lý Thường Kiệt là người có công rất lớn trong việc hình thành và phát triển nghề thủ công này.

Theo các nguồn sử liệu, Thanh Hóa là địa phương có nghề làm đồ đá rất lâu đời. Từ Sơ kỳ thời đại Kim khí, ở khu vực Đông Khố (nay thuộc thành phố Thanh Hóa) đã hình thành một công xưởng chế tác công cụ. Sản phẩm là những công cụ sản xuất bằng đá được chế tác tại chỗ, góp phần quan trọng vào việc khai phá châu thổ sông Mã buổi đầu thời đại đồ Đồng. Trong giai đoạn giao thoa văn hóa Đông Sơn với văn hóa Hán, tại khu vực Đông Lĩnh (huyện Đông Sơn) đã hình thành một công xưởng chế tác khuyên tai đá. Căn cứ vào sản phẩm, quy trình sản xuất, có thể nhận thấy Đông Lĩnh là công xưởng chế tác đồ trang sức hoàn chỉnh. Các kỹ thuật mài, cưa, đánh bóng được thực hiện với kỹ thuật rất cao. Sản phẩm chế tác từ công xưởng Đông Lĩnh phổ biến rộng rãi không chỉ trên địa bàn của chủ nhân văn hóa Đông Sơn mà còn hiện diện ở các vùng thuộc châu thổ sông Hồng, châu thổ sông Lam.

Thanh Hóa có nhiều núi đá. Ngay tại trung tâm châu thổ sông Mã, nguồn nguyên liệu này cũng rất phong phú với nhiều chất liệu khác nhau, song không phải bất cứ loại đá nào cũng có thể sử dụng làm nguyên liệu cho nghề đục đá khi sản phẩm của nghề khá đa dạng, từ các loại khí cụ, công cụ và đồ dân dụng. Từ thực tế về công dụng, độ bền sản phẩm... đã đặt ra những yêu cầu hết sức khắt khe về chất liệu của sản phẩm bằng đá.

Trước thời điểm Lý Thường Kiệt trấn trị Thanh Hóa, xứ Thanh vẫn chưa thịnh hành nghề thủ công đục đá. Vị Thái úy họ Lý không phải “ông tổ” của làng nghề, cũng không trực tiếp sản xuất ra sản phẩm song ông được xem là người đã đặt viên gạch nền đầu tiên trong quá trình hình thành và phát triển nghề đục đá ở xứ Thanh qua việc tìm ra nguồn nguyên liệu, từ đó hình thành nghề chế tác đá ở khu vực núi Nhồi huyện Đông Sơn - Thanh Hóa.

Núi Nhồi nằm trong hệ thống núi đá vôi giữa đồng bằng thuộc huyện Đông Sơn và các huyện cận kề. Phía tây - bắc núi Nhồi là núi là một đỉnh khác có tên gọi là Chông Mâm, phía nam giáp núi Quảng Nạp (tên nôm là núi Nấp). Làng Nhồi ở phía đông núi. Núi Nhồi còn gọi là núi Khế hay núi Nhuệ (Nhuệ sơn) cao khoảng 100m, chu vi hơn 4.000m, mang dáng dấp một con voi đang nằm chầu. Núi Nhồi không cao lắm nhưng là một trong những danh thắng của xứ Thanh⁽¹⁾. Nhuệ sơn càng huyền ảo và thơ mộng hơn trong tâm thức văn hóa dân gian với huyền thoại về nàng Vọng phu trên đỉnh núi.

Việc phát hiện “mỏ đá” trong hệ thống núi đá vôi ở Thanh Hóa là công việc không đơn giản bởi nếu chỉ căn cứ vào màu sắc, kết cấu mạch các lớp đá thì đá núi Nhồi không có nhiều sự khác biệt so với những núi đá vôi cận kề cũng như các mạch núi đá vôi khác.

Văn bia chùa Báo Ân, dưới chân núi Nhồi (tên chữ là núi An Hoạch) được tạo dựng trong thời gian Lý Thường Kiệt trấn trị ở trấn Thanh Hóa đã xác nhận công lao phát hiện ra mỏ đá quý ở núi Nhồi là thuộc về Thái úy Lý Thường Kiệt.

Bia chùa Báo Ân cao 170cm, rộng 105cm, trang trí dây leo, hình rồng uốn lượn thể hiện phong cách rồng thời Lý. Nội dung văn bia cho biết: “Ở phía tây - nam huyện⁽²⁾, có một quả núi lớn và cao gọi là núi An Hoạch, sản xuất nhiều đá đẹp, đó là sản vật quý giá của mọi người. Sắc óng ánh như ngọc lam, chất biếc xanh như khói nhạt. Sau này đục đá làm khí cụ, ví như đeo thành khánh, đánh lên thì tiếng ngân muôn dặm; dùng làm bia, văn chương để lại thì còn mãi nghìn đời. Thế là Thái úy Lý công sai một Thị giả là Giáp thủ Vũ Thừa Thao suất lĩnh người hương Cửu Chân, dò núi tìm đá trong mười chín năm”.

Đời sau đã có thơ ca ngợi đá núi Nhồi:

Hoạch Sơn loại đá kêu vang

Sắc xanh màu biếc mịn màng đẹp tươi

Gõ lên sang sảng bên tai

Tuyệt nhiên không chút trần ai lạc vẫn

Mới hay sản quý vô ngần

Dù kim dù cổ cũng gần như nhau.

Từ nguồn đá quý được Lý Thường Kiệt sai người khổ công dò tìm trong 19 năm này mà nghề làm đồ đá ở làng Nhồi đã ra đời và phát triển.

Theo lời truyền văn, làng Nhồi (Nhuệ Thôn) định cư dưới chân núi Nhồi vốn là làng nông nghiệp được hình thành từ rất sớm. Sau khi mỏ đá “sắc óng ánh như ngọc lam, chất biếc xanh như khói nhạt” được phát hiện, nghề đục đá cũng hình thành. Thời gian đầu, người dân chỉ tập trung chế tác các sản phẩm đơn giản, phục vụ đời sống thường ngày. Sau này, Nhuệ thôn dần trở thành làng nghề, sản phẩm chế tác đã mang tính chất xã hội.

Thời Lý, các công trình chùa tháp được kiến tạo ở nhiều nơi. Nhu cầu xây dựng lớn đòi hỏi nguồn nguyên vật liệu chắc, khỏe, độ cứng cao, có độ bền. Người dân làng Nhồi đã thoát khỏi quy mô sản xuất nhỏ lẻ, tiến hành chế tác, sản xuất những vật liệu xây dựng cỡ lớn, mang tính “đặc chủng” như: cột đá, đá kê chân cột, đá xây thêm...; các loại đồ liên quan đến tín ngưỡng: bát hương, đế đèn, bệ đặt tượng...; các bia khánh lưu danh muôn đời.

Sau khi Lý Thường Kiệt phát hiện được mỏ đá, thời gian đầu, người dân làng Nhồi vẫn duy trì hai hình thức sản xuất song song: vừa sản xuất nông nghiệp vừa chế tác đồ đá. Về sau, do nhu cầu sử dụng đồ đá ngày càng tăng lên đã kéo theo sự tăng trưởng về số lượng các hộ tham gia nghề chế tác đồ đá. Trình độ và tay nghề của người thợ từ chỗ chỉ làm các thao tác đơn giản đã được nâng cao thành những thợ đá, có khả năng tạo ra các sản phẩm có giá trị văn hóa nghệ thuật.

Điểm đặc biệt của nghề gia công, chế tác đá là nó gắn liền với nguồn nguyên liệu tại chỗ. Bởi vậy, trên đất Thanh Hóa, làng Nhồi là nơi duy nhất có nghề thủ công đục đá, chế tác đồ đá. Để khai thác đá, người thợ đá phải tiến hành khảo sát kỹ lưỡng các vỉa đá, tách bóc lớp vỏ ngoài bị phong hóa, bỏ các phần đá có tạp chất, tránh các vết đá nứt tự nhiên rồi mới đưa vào sử dụng. Theo thống kê, đá núi Nhồi được khai thác và sử dụng chủ yếu vào các công việc sau:

Đá phục vụ việc xây dựng: được sử dụng cho các kiến trúc cột nhà, chân tảng, đá tảng, đá bó nền.

Đá làm đồ thờ tự ở các công trình tôn giáo, tín ngưỡng chủ yếu là làm: sập thờ, bát hương, chân đèn, bệ đặt tượng...

Sử dụng làm bia, khánh: như đã nói, đá núi Nhoi với chất liệu đặc biệt “làm khí cụ, ví như đeo thành khánh thì tiếng ngân muôn dặm, dùng làm bia, văn chương để lại thì còn mãi muôn đời”. Sau này, khi xây làng Tự Đức, người ta đã sử dụng đá núi Nhoi để tạc tấm bia đồ sộ, có chiều cao 4m, chiều rộng 2m, dày 0,5 m, nặng tới hàng chục tấn.

Đá núi Nhoi còn được sử dụng rộng rãi để chế tác các đồ dân dụng. Khởi đầu là những sản phẩm đơn giản như: chày, cối, bể nhỏ đựng nước... sau đó, theo nhu cầu của đời sống nhân dân, sản phẩm từ đá Nhoi ngày càng đa dạng về loại hình và phong phú về kích thước.

Thời Lý, sản phẩm của nghề chế tác đồ đá ở làng Nhoi đã hiện diện ở nhiều nơi trên vùng đất Thanh Hóa nhưng tập trung nhiều nhất là ở những công trình chùa, tháp. Trong đó, đáng kể nhất là chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh.



Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh

Sùng Nghiêm Diên Thánh thuộc địa phận sở lý Duy Tinh, ngôi chùa có thể nói là duy nhất có niên đại thời Lý ở đất Thanh Hóa xưa còn lại đến ngày nay. Chùa đã được trùng tu nhiều lần nhưng phần lớn các kiến trúc đá được tạo dựng từ thời Lý đến nay vẫn được bảo tồn khá nguyên vẹn, tiêu biểu là một số di vật như:

Đá khối xây nền tam cấp: là những khối đá hình khối hộp chữ nhật, chiều dài 60cm, chiều cao 22cm, bề mặt 22cm. Nét đặc sắc trong kiến trúc nền tam cấp chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh là được trang trí hoa văn. Trên chiều cao của khối đá được chạm khắc họa tiết hình rồng mang đậm phong cách con rồng thời Lý: đầu nhô cao, thân hình mảnh mai, không có vây, uốn lượn nhịp nhàng. Các mô típ rồng đều có sự tương đồng về kích thước, phong cách chạm khắc chứng tỏ chúng được sản xuất từ cùng một hiệp thợ.

Đá tảng kê chân cột có hai loại: loại hình cánh sen cụp và hình cánh sen đứng.

Chân tảng hình cánh sen cụp: đá tảng kê chân cột phổ biến là loại chân tảng hình vuông, kích thước mỗi chiều 60cm, bề mặt chạm khắc hình cánh sen. Các cánh sen bao quanh phần kê chân cột, kích thước đều nhau, được chạm khắc tinh vi. Trên các cánh sen cụp có trang trí họa tiết hoa cúc dây. Những họa tiết hoa cúc dây với đường nét tinh xảo bố trí viền theo cánh sen đã giúp các chân cột mất đi sự cứng nhắc, “thô kệch” thường thấy.

Chân tảng hình cánh sen đứng: các cánh sen được tạo theo thể đỡ lấy chân cột.

Theo các nhà nghiên cứu, cách trang trí chân tảng hình cánh sen chính là một trong những đặc trưng của nghệ thuật thời Lý. Chân tảng chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh có thể xem là những tiêu bản có niên đại sớm, mang ý nghĩa mở đầu cho loại hình nghệ thuật trang trí hoa văn chân tảng.

Bệ đặt tượng là các khối đá hình tròn, cao 50cm, bề mặt bệ vừa khít với kích thước của tượng. Điểm đặc biệt của 3 khối bệ tượng ở chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh là các họa tiết trang trí. Cả ba khối bệ tượng đều được trang trí hình cánh sen. Các mô típ cánh sen này bao quanh bệ tượng, tạo nên hình một đóa hoa cúc đang nâng đỡ tượng Phật; đường nét hoa văn sắc nét, mềm mại, đậm tính tả thực.

So với kích thước các tấm bia có niên đại thời Lý ở Thanh Hóa, bia đá dựng ở chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh thuộc loại lớn. Diềm bia, trán bia trang trí các họa tiết hình rồng, hình cúc dây. Nội dung bia đã góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề về đời sống xã hội đương đại.

Ngoài tấm bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh có kích thước khá lớn, một số ngôi chùa thời Lý ở trấn Thanh Hóa cũng có bia đá lớn như: bia chùa Linh Xứng (cao 1,1m, rộng 0,70m), bia chùa Báo Ân (cao 1,75m, rộng 1,05m), bia chùa Hương Nghiêm (cao 1,5m, rộng 0,9m)... Các tấm bia này kích thước khác nhau nhưng đều là được tạo bởi những phiến đá nguyên khối, có kiểu dáng, bố cục hoa văn khá tương đồng, thể hiện sự thống nhất trong nghệ thuật tạo khối và trang trí của thợ đá làng Nhối; mang đậm dấu ấn văn hóa Lý.



Chân tảng đá chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh



Bệ đá chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh



Rồng thời Lý chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh

Nghề chế tác đá làng Nhồi không chỉ đưa đến sự ra đời một nghề thủ công truyền thống, được duy trì và gìn giữ đến tận ngày nay mà còn tạo nên những sản phẩm mang tính xã hội song vẫn có giá trị văn hóa - nghệ thuật nổi bật, mở đầu cho kỷ nguyên phục hưng văn hóa dân tộc.

Liên quan đến thời điểm phát hiện mỏ đá núi Nhồi và hình thành nghề thủ công ở làng Nhồi còn có ý kiến khác. Các tác giả *Lịch sử Thanh Hóa* (tập II) căn cứ vào những thông tin trong *Đại Nam nhất thống chí*, cho rằng việc khai thác đá ở núi Nhồi có từ trước thời Lý: “Núi An Hoạch có loại đá tốt. Phạm Ninh là Thái thú Dự Chương nhà Tấn (265 - 420) thường sai người lấy đá làm khánh tức núi đá này”. *Lịch sử Thanh Hóa* còn cho biết thêm là: sự ra đời của nghề làm đồ đá ở núi Nhồi là bởi sự kết hợp giữa những tù binh Chăm do Lê Hoàn bắt về, kết hợp với thợ đá Nhồi đã biến núi An Hoạch thành công xưởng chế tác đá nổi tiếng (Hà Văn Tấn 1990).

Đây là vấn đề cần được nhìn nhận lại với các lý do sau:

Nếu đá ở núi Nhồi được khai thác từ thời nhà Tấn (265 - 420) để đưa về Trung Quốc, đây chắc chắn sẽ là sự kiện không nhỏ, ảnh hưởng lớn đến xã hội Việt Nam đương thời, vậy tại sao Giáp thủ hương Cửu Chân Vũ Thừa Thao còn phải đốc xuất người khổ công dò tìm trong 19 năm mới phát hiện ra?

Không rõ việc khai thác đá từ núi Nhồi có được ghi trong sử nhà Tấn hay không? Tuy nhiên, nếu người phương Bắc ưa chuộng loại đá này thì không thể không đặt ra câu hỏi: tại sao các triều đại sau Tấn, “Thiên triều” không bắt phương Nam cống nạp loại đá quý này? Lê Quý Đôn trong *Văn Đai loại ngữ* có hé mở khả năng đá núi Nhồi đã được nhà Tấn khai thác cạn kiệt: *Phạm Ninh làm Thái thú Dự Chương nước Tấn thường sai lại viên đến đây lấy đá làm khánh... gần hết nhãn cả núi!* Điều này là không hợp lý bởi thực tế làng Nhồi, tại thời điểm chúng tôi khảo sát, lượng đá núi Nhồi vẫn hàng ngày, hàng giờ được những người thợ đá ở đây đưa vào khai thác, sử dụng.

Thực tế đã chứng minh: trước thời điểm mỏ đá quý ở núi Nhồi được phát hiện, trên vùng đất xứ Thanh chưa có nghề chế tác đá; chỉ sau khi những người ở hương Cửu Chân phát hiện nguồn đá núi Nhồi thì nghề chế tác đá mới từng bước hình thành. Thêm nữa, việc thợ đá ở Ngũ Hành Sơn thừa nhận nghề đá ở đất Quảng có nguồn gốc từ xứ Thanh, do nghệ nhân họ Lê ở núi



Bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh

Nhồi sau khi được triệu vào Huế xây dựng cung đình đã ở lại và truyền nghề cho người xứ Quảng - điều này khẳng định: con đường đi của nghề chế tác đá núi Nhồi không phải từ Nam ra Bắc (từ bình Chăm đem ra Thanh Hóa) mà ngược lại, nó được hình thành ở xứ Thanh rồi dịch chuyển dần vào phía Nam.

Chúng tôi đồng tình với một số nhà nghiên cứu ở luận điểm: dưới sự chỉ đạo của Lý Thường Kiệt, nguồn đá quý ở núi Nhồi được Giáp thủ hương Cửu Chân Vũ Thừa Thao phát hiện và chính việc tìm ra nguồn nguyên liệu đã định hình nghề chế tác đá ở làng Nhồi.

Nghề khai thác, chế tác đá làng Nhồi từ khi ra đời đã được duy trì và phát triển cho đến tận ngày nay. Sản phẩm của những nghệ nhân làng Nhồi đã góp phần tạo nên những di sản văn hóa có giá trị, đóng góp vào lịch sử mỹ thuật truyền thống Việt Nam. Nhìn lại gần 1.000 năm phát triển nghề đá làng Nhồi mới thấy hết được đóng góp của Lý Thường Kiệt - vị Thái úy với 19 năm trấn trị ở Thanh Hóa chính là người có công mở làng nghề.

=====

CHÚ THÍCH

(1) Núi Nhồi đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là *Di tích nghệ thuật thắng cảnh cấp quốc gia* tại Quyết định số 983/VH-QĐ ngày 8/4/1992.

(2) Huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nay thuộc phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa

=====

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc sử quán triều Nguyễn 1992. *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2. Nxb. Thuận Hóa - Huế.
2. Nguyễn Hữu Sơn 2006. *Phật giáo Việt Nam và những đóng góp cho văn hoá dân tộc*, Tham luận Hội thảo “Phật giáo trong thời đại mới - Cơ hội và Thách thức”.
3. Hà Văn Tấn (chủ biên) 1990. *Lịch sử Thanh Hóa*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Trương Như Vương, Nguyễn Đức Diệm 2006. Sự tương tác giữa văn hoá Phật giáo và văn hoá dân tộc trong lịch sử Việt Nam, Tham luận Hội thảo “Phật giáo trong thời đại mới - Cơ hội và Thách thức”.
5. Ủy ban Khoa học Xã hội - Viện Văn học 1978. *Thơ văn Lý - Trần* (3 tập). Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

LÝ THƯỜNG KIỆT WITH THE ESTABLISHMENT OF THE STONE-MAKING INDUSTRY IN THANH HÓA

Phạm Hoàng Mạnh Hà

With around two decades in Thanh Hóa region, military governor Lý Thường Kiệt paid much attention to the development of handicraft, along with the promotion of the cultivation. Under Lý Thường Kiệt's direction, Cửu Chân Vũ Thừa Thao found out a precious stone source at the Nhồi Hill. This source is an ideal condition to form stone-making industry in Nhồi village.

The stone-making industry in Nhồi village is not only a traditional handicraft which is being maintained today, but also create products having significant cultural and artistic characteristics, commencing the renaissance era of culture of the country.